

Số: 197/QĐ-ĐHCN

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ năm 2016 đợt 1 của Trường Đại học Công nghệ

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

Căn cứ Quyết định số 3568/QĐ - ĐHQGHN ngày 08/10/2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) ban hành Quy định về Tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và trực thuộc ĐHQGHN.

Căn cứ Quyết định số 595/QĐ-ĐHCN ngày 19/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ (ĐHCN) ban hành Chiến lược phát triển Trường ĐHCN đến năm 2020, tầm nhìn 2030;

Căn cứ Quyết định số 5111/QĐ-ĐHQGHN ngày 21/12/2015 của Giám đốc ĐHQGHN ban hành chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ năm 2016 của ĐHQGHN và các đơn vị thành viên/trực thuộc;

Căn cứ đề xuất chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 của các phòng, ban chức năng và Trung tâm Đảm bảo Chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ năm 2016 của Trường Đại học Công nghệ (*Khung chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ-Phụ lục 1; Danh mục nhiệm vụ ưu tiên triển khai-Phụ lục 2; Lịch biểu các nhiệm vụ năm 2016 và ba tháng đầu năm 2017-Phụ lục 3*).

Điều 2. Thủ trưởng các đơn vị và các cá nhân liên quan có trách nhiệm triển khai, thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được ban hành tại Điều 1.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính Quản trị, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, giám sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch nhiệm vụ năm 2016 của các đơn vị, định kỳ báo cáo Hiệu trưởng.

Điều 4. Trưởng phòng Hành chính Quản trị, Trưởng các Ban chức năng và Thủ trưởng các đơn vị trong Trường Đại học Công nghệ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- HT, các PHT (để b/c)
- Các Đoàn thể (để p/h)
- Như Điều 4;
- Lưu: VT, KHTC, NG20

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG *Quang*

H. Thái
Nguyễn Anh Thái

KHUNG CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NHIỆM VỤ TRƯỜNG ĐHCN NĂM 2016
(Ban hành kèm theo quyết định số: 197/QĐ-ĐHCN ngày 2/01/2016 của Hiệu trưởng Trường ĐHCN)

STT	Tên chỉ tiêu (sản phẩm, nhiệm vụ)	Đơn vị phân bổ và giám sát thực hiện	Đơn vị tính	Chỉ tiêu năm 2016 TET	CNTT (1)	DTVT (2)	CHKI&TDH (3)	VLKT&CNNN (4)
ĐÀO TẠO								
1	Chỉ tiêu tuyển sinh	P.DT	Người	1,065				
1.1	Đại học chính quy	nt	Người	840	420	120	190	110
1.2	Thạc sỹ	nt	Người	200	140	40	10	10
1.3	Tiến sỹ	nt	Người	25	15	5	3	2
	Quy mô đào tạo			3,275	-	-	-	-
2	2.1 Đại học chính quy	P.DT	Người	2850	-	-	-	-
	2.3 Thạc sỹ	nt	Người	350	-	-	-	-
	2.4 Tiến sỹ	nt	Người	75	-	-	-	-
3	Đào tạo các chương trình đặc biệt, CLC							
	3.1 Tỷ lệ sinh viên Tài năng, CLC, Tiên tiến, NVCL/tổng quy mô đào tạo	P.DT	%	22	-	-	-	-
	3.2 Tỷ lệ sinh viên liên kết quốc tế/tổng quy mô đào tạo	nt	%		-	-	-	-
4	Phát triển năng khiếu và bồi dưỡng nhân tài							
	4.1 Số lượng giải thưởng Olympic quốc tế, cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế của HSSV	P.CTSV	Giải	1	1	0	0	0
	4.2 Số lượng giải thưởng Olympic, cuộc thi khoa học, kỹ thuật của HSSV cấp quốc gia	P.CTSV	Giải	20	10	4	0	4
	4.3 Số lượng giải thưởng khoa học quốc gia, Bộ và ĐHQGHN của HSSV	P.KHCN&HTPT	Giải	5	2	1	1	1
5	Tỷ lệ người học/giảng viên	P.DT	Tỷ lệ	14	-	-	-	-
6	Tỷ lệ người học tốt nghiệp đúng hạn	nt						
	6.1 Sinh viên	nt	%	65	60	65	70	70
	6.2 Học viên cao học	nt	%	25	25	25	25	25
7	Số chương trình liên kết quốc tế mở mới	nt	CTĐT	9	-	-	-	-
8	Đổi mới, cập nhật chương trình đào tạo, đề cương học phần	P.DT						
	8.1 Tỷ lệ chương trình đào tạo được đổi mới, cập nhật nội dung, nâng cao chất lượng	nt						
	8.1.1 <i>Bậc Đại học</i>	nt	%	0	-	-	-	-
	8.1.2 <i>Bậc Sau đại học</i>	nt	%	40	4/40	2/4	1/3	1/3
	8.2 Tỷ lệ đề cương học phần được biên soạn, đổi mới, cập nhật	nt						
	8.2.1 <i>Bậc Đại học</i>	nt	%	10	-	-	-	-
	8.2.2 <i>Bậc Sau đại học</i>	nt	%	40	-	-	-	-
9	Tỷ lệ môn học có giáo trình, bài giảng ở dạng in, điện tử, số hóa (do GV Trường ĐHCN biên soạn)	nt	%	18	-	-	-	-
10	Số giáo trình được biên soạn mới	nt	Gi	12	6	4	1	1
11	Tỷ lệ môn học có ngân hàng câu hỏi	nt	%	25	-	-	-	-

STT	Tên chỉ tiêu (sản phẩm, nhiệm vụ)	Đơn vị phân bổ và giám sát (thực hiện)	Đơn vị tính	Chỉ tiêu năm 2016 UET	CNTI (1)	DTVT (2)	CHKT&TDH (3)	VLKT&CNNN (4)
12	Tỷ lệ môn học có website môn học	nt	%	25	-	-	-	-
13	Số chương trình đào tạo được mở mới trong năm	nt	CTĐT					
14	Kiểm định chất lượng	TT ĐBCL						
14.1	Số lượng CTĐT được kiểm định theo chuẩn AUN	nt	CTĐT	0	-	-	-	-
14.2	Số lượng CTĐT được đánh giá đồng cấp theo định hướng chuẩn AUN	nt	CTĐT	1	1	0	0	0
14.3	Số lượng CTĐT được kiểm định theo chuẩn quốc gia (Bộ GD & ĐT)	nt	CTĐT	0	-	-	-	-
14.4	Số lượng đơn vị đào tạo được kiểm định theo chuẩn AUN	nt	Đơn vị	0	-	-	-	-
14.5	Số lượng đơn vị đào tạo được kiểm định theo chuẩn quốc gia (Bộ GD & ĐT)	nt	Đơn vị	1	-	-	-	-
15	Khảo sát chất lượng							
15.1	Tỷ lệ môn học được lấy ý kiến phản hồi của người học	nt	%	100	100	100	100	100
15.2	Số lượng các đơn vị sử dụng SVTN của Trường được lấy ý kiến phản hồi về chất lượng SVTN	nt	Đơn vị	30	12	10	4	4
15.3	Tỷ lệ CTĐT được lấy ý kiến phản hồi của SVTN về chất lượng	nt	%	100	100	100	100	100
15.4	Số lượt SV, cán bộ Trường được lấy ý kiến về chất lượng các hoạt động hỗ trợ sinh viên, hỗ trợ đào tạo & NCKH (Ý kiến phản hồi về công tác quản lý, phục vụ)	nt	Lượt người	500	200	100	100	100
15.5	Mức độ hài lòng của người học	nt	%	80	-	-	-	-
16	Số các đơn vị được đánh giá theo tiêu chí ĐHNC	nt	Đơn vị	1	-	-	-	-
17	Nâng cao khả năng có việc làm cho sinh viên							
17.1	Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng nghề sau khi tốt nghiệp 1 năm	P.CTSV	%	85				
17.2	Hoạt động định hướng nghề nghiệp, xúc tiến việc làm sinh viên	P.CTSV	Hoạt động	7	3	2	1	1
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC								
18	Số bài báo khoa học	P.KHCN&HTPT		226	100	56	43	27
18.1	Bài báo trong nước			63	25	15	13	10
18.1.1	Bài báo đăng tạp chí trong nước			26	10	5	5	6
18.1.2	Bài báo đăng kỷ yếu hội nghị/hội thảo khoa học trong nước			37	15	10	8	4
18.2	Bài báo Quốc tế			163	75	41	30	17
18.2.1	Bài báo đăng tạp chí quốc tế			77	30	17	15	15
				<i>Trong đó số bài báo đăng tạp chí thuộc danh mục ISI Scopus</i>				
18.2.2	Bài báo đăng kỷ yếu hội nghị/hội thảo khoa học quốc tế			86	45	24	15	2
19	Sách chuyên khảo							
19.1	Tiếng Việt	nt	Cuốn	2	1	0	0	1
19.2	Tiếng nước ngoài	nt	Cuốn	1	0	0	0	1
20	Phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích hoặc tư vấn chính sách							
20.1	Phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích (có quyết định công nhận)	nt	Bảng	2	0	1	0	1
20.2	Phát minh, sáng chế, giải pháp hữu ích được chấp nhận hồ sơ đăng ký	nt	Hồ sơ	4	1	1	1	1
20.3	Hợp đồng tư vấn, giải pháp khoa học công nghệ	nt	Hợp đồng	1	1	0	0	0
21	Sản phẩm công nghệ hoàn chỉnh được chuyển giao	nt	Sản phẩm	2	1	0	0	1
22	Chương trình, đề tài hợp tác nghiên cứu			3				
22.1	Trong nước	nt	Chương trình/đề tài	2	1	0	0	1
22.2	Quốc tế	nt	Chương trình/đề tài	1	0	1	0	0
23	Phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu							

STT	Tên chỉ tiêu (sản phẩm, nhiệm vụ)	Đơn vị phân bổ và giám sát thực hiện	Đơn vị tính	Chỉ tiêu năm 2016 UET	CNTT (1)	ĐTVT (2)	CHKT&TDH (3)	VE KT&CNN (4)
23.1	Trọng điểm cấp ĐHQGHN trở lên	nt	PTN/TT	2	0	1	0	1
23.2	Hợp tác doanh nghiệp	nt	PTN/TT	2	1	0	0	0
23.3	Hợp tác quốc tế	nt	PTN/TT	1	0	0	0	0
24	Nhóm nghiên cứu mạnh cấp ĐHQGHN	nt	Nhóm NC	3	1	0	0	2
25	Giải thưởng KHCN quốc gia/quốc tế	nt	Giải thưởng	1	1	0	0	0
26	Kinh phí hỗ trợ người học tham gia nghiên cứu khoa học	nt	ty	1	0.4	0.2	0.2	0.2
27	Chú trì/phối hợp tổ chức Hội thảo khoa học Quốc gia, Quốc tế	nt	Hội thảo	4	1	1	1	1
HỘI NHẬP QUỐC TẾ								
28	Số cán bộ đi nghiên cứu và giảng dạy ở nước ngoài	P.TCCB	Luot người	29	13	8	4	4
29	Số cán bộ nước ngoài đến nghiên cứu và giảng dạy ở ĐHQGHN	P.KHCN&HTPT	Luot người	12	5	3	2	2
30	Số sinh viên trao đổi nước ngoài	P.CTSV	Luot người	25	15	4	3	3
31	Số sinh viên nước ngoài đến ĐHQGHN	P.CTSV	Luot người	5	3	1	0	1
32	Số bài báo hợp tác nghiên cứu quốc tế được công bố chung	P.KHCN&HTPT	Hợp tác	24	12	6	3	3
TỔ CHỨC CÁN BỘ								
33	Kiến toàn cơ cấu tổ chức đơn vị trực thuộc trường (phát triển đơn vị mới)	P.TCCB		2	-	-	-	-
34	Phát triển đội ngũ cán bộ	P.TCCB						
34.1	Số lượng cán bộ khoa học (CBKH) tăng thêm trong năm	nt	người	13	5	3	2	3
34.2	Tổng số cán bộ (CCVC, NLD)	nt	người	252	-	-	-	-
34.3	Tỉ lệ CBKH có trình độ tiến sĩ, tiến sỹ khoa học	nt	%	75	74	77	75	76
34.4	Tỉ lệ CBKH có trình độ tiến sĩ dưới 45 tuổi	nt	%	44	44	41	35	42
34.5	Tỉ lệ giáo sư, phó giáo sư/CBKH	nt	%	26	24	28	25	35
34.6	Tỷ lệ CBKH có bài báo công trình khoa học được đăng hoặc công bố trong các tạp chí khoa học, kỹ thuật và hội thảo quốc tế	nt	%	60	60	60	60	60
34.7	Tỷ lệ giảng viên giảng dạy chuyên môn bằng tiếng Anh có trình độ B2 theo khung tham chiếu Châu Âu hoặc tương đương trở lên	nt	%	55	55	55	55	55
34.8	Tỷ lệ cán bộ quản lý, hành chính (CBQL) có trình độ tiếng Anh đạt chung chỉ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu hoặc tương đương trở lên	nt	%	60	-	-	-	-
35	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ	P.TCCB						
35.1	Đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn trong nước	nt	Luot người	40	-	-	-	-
35.2	Đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài (dài hạn)	nt	Luot người	5	-	-	-	-
35.3	Tỷ lệ giảng viên có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, phương pháp giảng dạy tiên tiến.	nt	%	90	90	90	90	90
35.4	Tỷ lệ cán bộ hành chính, phục vụ có chứng chỉ về quản lý nhà nước	nt	%	60	-	-	-	-
35.5	Tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, quản lý có chứng chỉ bồi dưỡng kỹ năng quản trị đại học	nt	%	25	-	-	-	-
36	Đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo quy định	P.TCCB	%	100	-	-	-	-
36.1	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	nt	%	95	-	-	-	-
36.2	Tỷ lệ giảng viên hoàn thành nghĩa vụ giảng dạy	nt	%	95	95	95	95	95
36.3	Tỷ lệ cán bộ khoa học (giảng viên, nghiên cứu viên) hoàn thành nghĩa vụ nghiên cứu	nt	%	85	85	85	85	85
ITQC SINH SINH VIÊN								
37	Tổng kinh phí các loại học bổng cấp cho sinh viên	P.CTSV	ty	3.6	-	-	-	-
37.1	Từ nguồn học phí	nt	ty	1.1	-	-	-	-
37.2	Từ nguồn do ĐHQGHN thu hút	nt	ty	1	-	-	-	-

STT	Tên chỉ tiêu (sản phẩm, nhiệm vụ)	Đơn vị phân bổ và giám sát thực hiện	Đơn vị tính	Chỉ tiêu năm 2016 UET	CNTT (1)	ĐTVT (2)	CHKT&TDH (3)	VI.KT&CNNN (4)
37.3	Từ nguồn do Trường ĐHCN thu hút	nt	ty	1.5	0.7	0.5	0.2	0.1
38	Tỷ lệ sinh viên đạt điểm rèn luyện loại khá trở lên	P.CTSV	%"	90	90	90	90	90
TÀI CHÍNH VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT								
39	Tài chính	P.KHTC						
39.1	Nguồn thu sự nghiệp tăng so với năm trước	nt	%"	10	-	-	-	-
39.2	Tỷ lệ nguồn thu sự nghiệp/tổng nguồn KP hoạt động thường xuyên	nt	%"	50	-	-	-	-
39.3	Tỷ lệ KP NCKH và chuyển giao công nghệ thu hút/tổng nguồn KP hoạt động thường xuyên.	P.KHCN&HTPT	%"	27	27	27	27	27
39.4	Tỷ lệ KP thu được từ hoạt động hợp tác phát triển/tổng nguồn KP hoạt động thường xuyên.	P.KHCN&HTPT	%"	16	16	16	16	16
39.5	Tỷ lệ kinh phí thu từ dịch vụ đào tạo/tổng học phí	P.KHTC	%"	20	-	-	-	-
39.6	Mức tăng thu nhập của cán bộ viên chức	nt	%"	5	-	-	-	-
39.7	Tỷ lệ thanh quyết toán, giải ngân các nguồn KP thường xuyên/chi đầu tư	nt	%"	90	-	-	-	-
39.7.1	6 tháng đầu năm	nt	%"	45	-	-	-	-
39.7.2	9 tháng đầu năm	nt	%"	75	-	-	-	-
39.8	KP đầu tư cơ sở vật chất cho giảng đường, PTN phục vụ quản lý đào tạo/KP thường xuyên	nt	%"	5	-	-	-	-
39.9	KP xây dựng, đổi mới, cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo (chương trình, giáo trình)/KP thường xuyên.	nt	%"	2.5	-	-	-	-
39.10	Kinh phí đầu tư cho phòng thí nghiệm/CBKH/năm	P.KHCN&HTPT	tr.đ	385	-	-	-	-
40	Cơ sở vật chất							
40.1	Máy tính thực hành/dầu sinh viên	P.HCQT	chiếc	91	-	-	-	-
40.2	Diện tích mặt bằng được bổ sung mới	nt	m ²	420	-	-	-	-
40.3	Số giảng đường, lớp học được cải tạo, nâng cấp.	nt	Phòng	20	-	-	-	-
40.4	Số phòng làm việc, phòng thí nghiệm được cải tạo, nâng cấp	nt	Phòng	10	-	-	-	-
40.5	Tỷ lệ diện tích/sinh viên	nt	m ² /SV	1.8	-	-	-	-
40.6	Tỷ lệ diện tích/cán bộ	nt	m ² /CB	10	-	-	-	-
CÁC CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ TIN HỌC HÓA								
41	Số văn bản quản lý, điều hành được cập nhật, bổ sung, ban hành mới	P.HCQT	V.B	5	-	-	-	-
42	Số quy trình, nghiệp vụ được tin học hóa mới	P.HCQT	QT	2	-	-	-	-

Ghi chú: Đối với nhóm các chỉ tiêu về KHCN, HTPT: (1) gồm Khoa CNTT và TTGSHT; (2) gồm Khoa ĐTVT, TTNC ĐTVT và PTN SIS; (4) gồm Khoa VI.KT&CNNN và PTN Micro - Nano



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

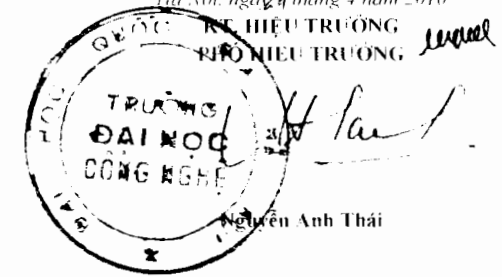
LỊCH BIỂU CÁC NHIỆM VỤ TRƯỜNG ĐHCN NĂM 2016 VÀ BA THÁNG ĐẦU NĂM 2017

TT	Lĩnh vực công tác	Năm 2016												Năm 2017		
		Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3
1	Đào tạo	- Thi học kỳ I - Xét học vụ - Sơ kết DT	- Bắt đầu học kỳ II - Bắt đầu quảng bá tuyển sinh	- Xét tốt nghiệp T3 - Quảng bá tuyển sinh	- Tuyển sinh bằng kép - Tuyển sinh SDH đợt 1	- Tuyển sinh đại học - Bảo vệ KLTN - NCS bao cao tiện đi	- Thi học kỳ II - Bảo vệ luận văn ThS đợt 1 - Xét tốt nghiệp ĐH. - Sơ kết DT	- Tổ chức học kỳ phụ - Xét tốt nghiệp SDH	- Tuyển sinh đại học đợt 2 - Thi học kỳ phụ - Hội nghị đào tạo	- Bắt đầu học kỳ I - Tuyển sinh SDH đợt 2 - Xét tốt nghiệp T9 - Xét học vụ	- Xác định danh sách sinh viên đi làm KLTN - Làm việc với sinh viên các khoa về công tác đào tạo	- Khởi động quảng bá tuyển sinh. - Bảo vệ LVTS đợt 2 - NCS bao cao tiện đi	- Bảo vệ đồ án tốt nghiệp - Thi học kỳ I - Xét TN SDH đợt 2 - Xét TN T12	- Thông kê giảng dạy phục vụ tính vượt giờ	- Bắt đầu học kỳ II - Bắt đầu quảng bá tuyển sinh	- Xét tốt nghiệp T3 - Quảng bá tuyển sinh
2	Công tác sinh viên	- Đánh giá điểm rèn luyện K56H - Trao bằng TN K56H - Trao bằng TN SDH	- Gửi KQ xử lý học vụ về gia đình SV - Xét miễn giảm học phí, trợ cấp XII - Rà soát nợ đọng học phí	- Đánh giá điểm rèn luyện SV toan trường - Thu học phí cao học và NCS	- Hội thảo việc làm cho SV - Xét học bổng KKHT học kỳ II - Thu học phí SV kỳ II - Đối thoại SV	- Hoàn thiện hồ sơ TN cho SV K57	- Đánh giá điểm rèn luyện và xét khen thưởng K57. - Bế giảng và trao bằng TN ĐH	- Thu học phí học kỳ phụ	- Nhập học ĐH - Nhập học SDH đợt 1. - Tuần SH Công dân đầu năm SV	- Khai giảng năm học mới - Gửi KQ xử lý học vụ về gia đình SV - Làm thủ tục bảo hiểm y tế - Xét miễn giảm học phí, trợ cấp XI học kỳ I	- Đánh giá điểm rèn luyện SV - Thu học phí cao học và NCS kỳ I năm 2016-2017	- Đối thoại SV - Nhập học SDH đợt 2 - Thu học phí SV kỳ I năm 2016-2017	- Đánh giá điểm rèn luyện và khen thưởng K57H.	- Trao bằng SDH đợt 2 - Đối chiếu học phí năm học 15-16 - Bế giảng và trao bằng TN K57H.	- Gửi KQ xử lý học vụ về gia đình sinh viên - Rà soát nợ đọng học phí - Xét miễn giảm học phí, trợ cấp XI học kỳ II	- Đánh giá điểm rèn luyện SV - Thu học phí cao học và NCS kỳ II năm 2016-2017
3	Hành chính- Quản trị	- Kiểm tra và chuẩn bị CSVC học kỳ mới.	- Hoạt động đón tết nguyên đán Bình Thuận (chức tết nhà giáo lão thành, gặp mặt đầu xuân)	- Xây dựng chi tiêu, kế hoạch năm 2016	- Phê duyệt kế hoạch CSVC 2016 - Xây dựng Phương án bố trí sắp xếp mặt bằng - Cài tạo phòng làm việc nhà G8 - Xây dựng website mới - Cài tạo Hệ thống thoát nước G2 và E3 - Mua sắm, bổ sung trang thiết bị làm việc cho cán bộ năm 2016.	- Hoàn thành dự án nâng tầng Nhà T3 đưa vào sử dụng và phân bố và chuyển đổi mặt bằng - Xây dựng video giới thiệu Trường ĐHCN	- Công tác tổng kết năm học 2015-2016 và xây dựng kế hoạch năm học 2016-2017. - Chuẩn hóa hệ thống lưu trữ phòng lưu trữ - Cài tạo Giảng đường theo Dự án Phòng học thông minh	- Chuẩn hóa hệ thống lưu trữ, phòng lưu trữ - Văn bản website mới	- Hoàn thành việc cài tạo giảng đường theo dự án Phòng học thông minh - Chuẩn hóa hệ thống lưu trữ, Phòng lưu trữ. - Hội nghị CBCCVC	- Tổng kết thực hiện và nhiệm vụ CCHC năm học 2015-2016 và triển khai các nhiệm vụ CCHC năm 2016-2017 - Biên tập và phát hành tài liệu giới thiệu trường bằng tiếng Việt	- Mitting kỷ niệm ngày nhà giáo VN 20/11 - Xây dựng chi tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ năm 2017 - In lịch và thiệp chúc tết 2017	- Công tác tổng kết năm 2016 và triển khai kế hoạch nhiệm vụ năm 2017	- Kiểm tra và chuẩn bị CSVC học kỳ mới	- Hoạt động đón tết nguyên đán Đinh Dậu 2017 (chức tết nhà giáo lão thành, gặp mặt đầu xuân)	- Phê duyệt kế hoạch CSVC 2017	
4	Khoa học Công nghệ và Hợp tác phát triển	- Hội đồng KH&ĐT Bảo cao - Xây dựng các dự án đầu tư KHCN, tiếp nhận trang thiết bị đầu tư - Cập nhật thông tin ấn phẩm khoa học Eprints	- Đăng ký và xét chọn nhiệm vụ KHCN cấp trường 2016. Triển khai chương trình hợp tác STP (học bổng, nghiên cứu).	- Hoàn thành Báo cáo thường niên KHCN 2015. - Ký hợp đồng nhiệm vụ KHCN cấp ĐHQGHN - Hội nghị NCKH SV cấp khoa - Biên tập và xuất bản tài liệu tiếng Anh giới thiệu trường.	- Hội nghị NCKH SV cấp trường. - Hội nghị triển khai hoạt động KHCN&HTPT năm 2016. - Đăng ký Nhiệm vụ KHCN cấp ĐHQGHN. - Xây dựng các dự án đầu tư KHCN, tiếp nhận trang thiết bị đầu tư	- Báo cáo tiến độ đề tài các cấp - Tổ chức kỷ niệm ngày KHCN (18/5) - Hội thảo liên trường Inter-Universities về Điện tử - Truyền thông, Độc thực nghiệm thu đề tài. - Xây dựng Kế hoạch KHCN năm 2017.	- Xây dựng Kế hoạch KHCN năm 2017. Sơ kết chi tiêu nhiệm vụ KHCN&HTPT 6 tháng đầu năm. Triển khai chương trình hợp tác STP (học bổng, đào tạo).	- Hội đồng KH&ĐT - Cập nhật thông tin ấn phẩm khoa học Eprints Hội đồng chức danh giáo sư cơ sở. Triển khai chương trình hợp tác STP (học bổng, đào tạo).	- Xây dựng các dự án đầu tư KHCN, tiếp nhận trang thiết bị đầu tư. Hội đồng chức danh giáo sư cơ sở.	- Thông kê, rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động HTPT. Triển khai chương trình hợp tác STP (đào tạo, nghiên cứu).	- Hội nghị khoa học quốc tế AIP 2016 - Hội nghị ICETAS 2016 - Hội thảo quốc tế về công nghệ nano & ứng dụng. Độc thực nghiệm thu đề tài	- Làm việc với các đơn vị về tính hình thực hiện kế hoạch KHCN năm 2016	- Nghiệm thu đề tài - Xây dựng các dự án đầu tư KHCN, tiếp nhận trang thiết bị đầu tư - Khen thưởng KHCN	- Báo cáo thường niên KHCN 2016 - Hội đồng KH&ĐT	- Đăng ký nhiệm vụ KHCN cấp trường 2017	

TT	Lĩnh vực công tác	Năm 2016												Năm 2017			
		Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	
5	Kế hoạch Tài chính		- Công khai dự toán và phân bổ ngân sách 2016 đợt 1	- Hoàn thành quyết toán ngân sách 2015. - Báo cáo Quyết toán ngân sách 2015		- Xây dựng kế hoạch ngân sách năm 2017	- Danh giá tiền độ giai ngân 6 tháng đầu năm và so kết thực hiện chi tiêu. nhiệm vụ 6 tháng đầu năm 2016 - Điều chỉnh kế hoạch và giao dự toán ngân sách đợt 2 (nếu có) - Hoàn thành kế hoạch ngân sách năm 2017		- Hội nghị tài chính.		- Danh giá tiền độ giai ngân và chi tiêu. nhiệm vụ 9 tháng đầu năm - Đôn đốc thực hiện chi tiêu. nhiệm vụ 3 tháng cuối năm - Ban hành QCCYNB sửa đổi.				- Danh giá tiền độ giai ngân và chi tiêu. nhiệm vụ năm 2016	- Công khai dự toán và phân bổ ngân sách 2017 đợt 1	- Hoàn thành quyết toán ngân sách 2016. - Báo cáo Quyết toán ngân sách 2016
6	Tổ chức Cán bộ	- Hoàn thành đánh giá, phân loại cán bộ và ABC năm 2015		- Ban hành Quy định về tổ chức và hoạt động của trường	- Ban hành quy định sửa đổi, bổ sung QĐ 589 - Quy định về chức năng nhiệm vụ các Phòng cơ năng	- Xét công nhận đạt chuẩn chức danh giáo sư cơ sở - Tổ chức lớp đào tạo ngắn hạn kế toán, quản lý cho CBQL	- Xét công nhận đạt chuẩn chức danh giáo sư cơ sở - Tổ chức lớp đào tạo ngắn hạn kế toán, quản lý cho CBQL	- Xét công nhận đạt chuẩn chức danh giáo sư cơ sở - Tổ chức lớp đào tạo ngắn hạn kế toán, quản lý cho CBQL	- Xét công nhận đạt chuẩn chức danh giáo sư cơ sở - Tổ chức lớp đào tạo ngắn hạn kế toán, quản lý cho CBQL	- Công tác báo cáo Nghĩa vụ quân sự	- Ra soát, đề nghị bổ sung lương phụ cấp thâm niên nhà giáo và viên chức viên chức viên chức.	- Thực hiện quy trình nâng bậc lương thường xuyên, trước thời hạn vượt lương	- Danh giá phân loại cán bộ, công chức, viên chức năm 2016	- Tổng hợp kết quả ABC và kết quả hoàn thành định mức giảng dạy nghiên cứu phục vụ chi trả lương tăng thêm thu lao giảng dạy vượt 20 năm 2016			
7	Đảm bảo chất lượng	Lấy ý kiến phản hồi của người học về môn học đợt 1	- Triển khai hoạt động cải tiến chất lượng hậu kiểm định các chương trình đào tạo đã được kiểm định chất lượng	- Công bố kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về môn học đợt 1 - Cung cấp số liệu xếp hạng đại học (QS webometric) đợt 1 - Phát triển tài nguyên số trên trang web của đơn vị ứng dụng Dspace, theo các tiêu chí xếp hạng của Webometrics. - Chuẩn bị minh chứng CSVN cho đánh giá ngoài	- Đánh giá ngoài đơn vị đào tạo theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT. - Xây dựng báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo bậc thạc sĩ Kỹ thuật phần mềm theo bộ tiêu chuẩn ĐHQGHN.	- Giảng viên thực hiện công tác tự đánh giá. - Lấy ý kiến phản hồi về chất lượng các hoạt động hỗ trợ người học - Đánh giá đơn vị theo tiêu chí ĐH NC	Lấy ý kiến phản hồi của người học về môn học đợt 2	Lấy ý kiến phản hồi của sinh viên môn TN	Công bố kết quả lấy ý kiến phản hồi người học về môn học đợt 2	- Cung cấp số liệu xếp hạng đại học (QS webometric) đợt 2	Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo bậc thạc sĩ Kỹ thuật phần mềm theo bộ tiêu chuẩn ĐHQGHN	- Thực hiện báo công khai. - Lấy ý kiến phản hồi của cựu người học - Lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động	- Lấy ý kiến phản hồi của sinh viên môn TN - Báo cáo hoạt động cải tiến chất lượng hậu kiểm định các chương trình đào tạo	Lấy ý kiến phản hồi của người học về môn học đợt 1	- Triển khai hoạt động cải tiến chất lượng hậu kiểm định các chương trình đào tạo đã được kiểm định chất lượng	- Công bố kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về môn học đợt 1 - Cung cấp số liệu xếp hạng đại học (QS webometric) đợt 1. - Phát triển tài nguyên số trên trang web của đơn vị ứng dụng Dspace, theo các tiêu chí xếp hạng của Webometrics	
8	Thanh tra pháp chế				- Thanh tra kỳ thi tuyển sinh SDH đợt 1.	Thanh tra kỳ thi đánh giá năng lực đợt 1	Thanh tra kỳ thi học kỳ II		Thanh tra kỳ thi đánh giá năng lực	Thanh tra kỳ thi tuyển sinh SDH đợt 2				Thanh tra kỳ thi học kỳ I			

TT	Lĩnh vực công tác	Năm 2016												Năm 2017												
		Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3										
					- Kiểm tra, rà soát việc thực hiện quy định của Nhà nước và ĐHQGHN				lực đợt 2																	
9	Đoàn thể		- Công đoàn tổ chức Du xuân	- ĐTN tổ chức hoạt động tháng thanh niên - CD tổ chức hoạt động kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3	- CD tổ chức Đại hội - ĐTN tổ chức ngày hội việc làm			- CD và ĐTN tổ chức các hoạt động kỷ niệm ngày thành lập trường. - ĐTN tổ chức hoạt động tình nguyện phục vụ kỳ thi danh gia năng lực đợt 1.			- ĐTN tổ chức hoạt động tình nguyện phục vụ kỳ thi danh gia năng lực đợt 2			- ĐTN tổ chức hoạt động chào tân sinh viên		- CD và ĐTN tổ chức hoạt động chào mừng kỷ niệm ngày truyền thống ĐHQGHN		- CD và ĐTN tổ chức hoạt động chào mừng 20/11		- CCB Hoạt động kỷ niệm ngày thành lập Quân đội nhân dân VN 22/12 - ĐTN tổ chức cuộc thi Hackathon mở rộng 2016		Kỷ niệm ngày Học sinh, sinh viên Việt Nam		- Công đoàn tổ chức Du xuân		- ĐTN tổ chức hoạt động tháng thanh niên - CD tổ chức hoạt động kỷ niệm ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3

Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2016





3	Xây dựng trang thông tin điện tử mới của trường thay thế trang tin hiện tại	Thay đổi giải pháp kỹ thuật và công nghệ, thay đổi giao diện và nội dung của website đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của Nhà trường.	Mua mới phần mềm website đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, công nghệ. Phát triển nội dung website mới và chuyển đổi nội dung từ website cũ.	Website mới đưa vào vận hành	Phòng HCQT	Các đơn vị	X	X	X	X								
4	Dự án Cải tạo, nâng tầng Nhà E3	Hoàn thành, đưa vào sử dụng đúng tiến độ, chất lượng	Phối hợp với Ban Quản lý Dự án ĐHQGHN thúc đẩy dự án thực hiện đúng tiến độ.	650 m2 sàn	Phòng HCQT	Phòng KHTC	X	X										
5	Nâng cấp 20 phòng học tại hai khu giảng đường G2 và GD2 theo Dự án "Phòng học thông minh"	Hoàn thành chậm nhất 15/8 để chuẩn bị cho năm học mới.	Phối hợp với Ban Quản lý Dự án ĐHQGHN thúc đẩy dự án thực hiện đúng tiến độ.	20 Phòng học được trang bị hiện đại theo yêu cầu dự án	Phòng HCQT	Phòng Đào tạo	X	X	X	X	X							
6	Chuyển đổi Khu G6 về G8	Di chuyển các phòng làm việc, phòng thí nghiệm về cơ sở mới đảm bảo vận hành hoạt động bình thường	Di chuyển các phòng làm việc, phòng thí nghiệm về cơ sở mới đảm bảo vận hành hoạt động bình thường.	Đơn vị ổn định làm việc sau di chuyển	Khoa VIKT&CNN, Phòng HCQT	Phòng KIITC	X	X	X									
7	Cải tạo hệ thống công thoát nước thải Nhà G2 và phía đông nhà E3	Chống úng, ngập	(1) Cải tạo công thoát nước thải nhà G2; (2) Cải tạo công thoát nước thải dầu hôi phía đông nhà E3 tại khu vực nhà ăn căn bộ.	Hệ thống công thoát nước thải.	Phòng HCQT	Phòng KHTC	X	X										
8	Nâng cấp điều hòa và hệ thống hút gió cho phòng máy chủ	Đảm bảo phòng Máy chủ hoạt động ổn định	(1) Bổ sung điều hòa công suất lớn. (2) Lắp đặt hệ thống hút gió sau tủ rack ra ngoài	Hệ thống làm mát và thông gió cho phòng máy chủ	Phòng HCQT	TIET P KHIC	X	X	X									
VIII. Thanh tra, Pháp chế																		
1	Rà soát văn bản quản lý của Trường	Đảm bảo các văn bản ban hành đúng quy định	Rà soát các văn bản pháp quy hiện có, thẩm định các văn bản mới trước khi ban hành.	Hệ thống văn bản	Ban Thanh tra Pháp chế		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
IX. Trung tâm Máy tính																		
1	Tài nguyên số	Hệ thống cho phép lưu trữ các tài liệu, bài báo, luận văn... dưới dạng số hóa	(1) Khảo sát hệ thống đang có (DSpace, Eprint...); (2) Khảo sát nhu cầu lưu trữ các đơn vị; (3) Xây dựng hệ thống lưu trữ có khả năng tích hợp (hoặc thay thế) các hệ thống hiện có	Hệ thống lưu trữ số hóa các tài nguyên Nhà Trường	TIET	Phòng KHCN, Phòng Đào tạo, Trung tâm DBCI, Phòng HCQT				X	X	X	X					

